

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1003 ngày 03/5/12

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ
KỸ THUẬT Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010
đã được kiểm toán*



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 19
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP Hồ Chí Minh, tên viết bằng tiếng nước ngoài là HO CHI MINH CITY MEDICAL TECHNICAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là MTS được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước: Công ty Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 2080/QĐ-UB ngày 03 tháng 06 năm 2003 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0300534193 ngày 11 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 252-254 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông : Đặng Quốc Chính	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Duy Thuận	Ủy viên
Ông : Hoàng Công Toàn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông : Nguyễn Trọng Hùng	Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Thắng	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông : Nguyễn Hội	Trưởng ban
Bà : Phan Thị Thanh Nhân	Thành Viên
Bà : Huỳnh Thị Cao Thuý	Thành Viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty

CÔNG BỘ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

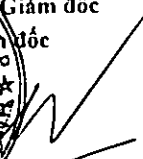
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2012


Ban Giám đốc
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANG THIẾT BỊ
KỸ THUẬT Y TẾ
TP. HỒ CHÍ MINH
MTS

QUẢN LÝ - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Trọng Hùng



Số: 106./2012/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP. Hồ Chí Minh

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP. Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP. Hồ Chí Minh được lập ngày 25 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định vào ngày 31/12/2010, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2012

CN Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Bùi Văn Thảo
Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Thái
Chứng chỉ KTV số: 1623/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.796.243.116
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.250.692.830
111 I. Tiền		10.250.692.830
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		34.508.997.204
131 I. Phải thu khách hàng		34.437.339.420
135 5. Các khoản phải thu khác	4	210.923.736
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(139.265.952)
140 IV. Hàng tồn kho	5	2.934.053.082
141 I. Hàng tồn kho		2.934.053.082
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		102.500.000
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	6	102.500.000
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		647.193.441
220 II. Tài sản cố định		531.089.441
221 1. Tài sản cố định hữu hình	7	516.066.475
222 - Nguyên giá		1.724.940.472
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.208.873.997)
227 3. Tài sản cố định vô hình	8	15.022.966
228 - Nguyên giá		75.114.646
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(60.091.680)
260 V. Tài sản dài hạn khác		116.104.000
268 3. Tài sản dài hạn khác	9	116.104.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		48.443.436.557

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		37.479.808.501
310 I. Nợ ngắn hạn		37.120.411.592
311 1. Vay và nợ ngắn hạn		-
312 2. Phải trả người bán		26.973.685.684
313 3. Người mua trả tiền trước		7.691.692
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	703.283.107
315 5. Phải trả người lao động		450.101.135
316 6. Chi phí phải trả	11	.982.750.700
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	7.218.154.901
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		784.744.373
330 II. Nợ dài hạn		359.396.909
334 4. Vay và nợ dài hạn		-
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		359.096.909
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		300.000
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.963.628.056
410 I. Vốn chủ sở hữu	13	10.963.628.056
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.679.840.000
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		3.259.540.914
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		1.350.373.367
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		673.873.775
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		48.443.436.557

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2010
5. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ	USD		102,87

Nguyễn Trọng Hùng

Nguyễn Trọng Hùng

Kế toán trưởng

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Trọng Hùng

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/09/2010 đến 31/12/2010
		VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.786.275.297
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	48.786.275.297
11 4. Giá vốn hàng bán	15	44.396.740.348
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.389.534.949
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	68.109.975
22 7. Chi phí tài chính	17	370.150.131
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		-
24 8. Chi phí bán hàng		684.004.436
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.444.152.991
31 11. Thu nhập khác	18	28.000.000
32 12. Chi phí khác		-
40 13. Lợi nhuận khác		28.000.000
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.472.152.991
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	388.540.880
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.083.612.122
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	2.167

Đặng Thị Minh Châu

Kế toán trưởng


Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Trọng Hùng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010
Theo phương pháp gián tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/09/2010 đến 31/12/2010	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.083.612.122
2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		46.714.188
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(68.109.975)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.062.216.335
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(34.866.770.761)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(2.934.053.082)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		36.606.223.259
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(300.000.000)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.905.562.150
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.473.177.901
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(329.395.046)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		30.800.000
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị		8.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		68.109.975
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(222.485.071)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		10.250.692.830
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(96.395)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		10.250.596.435


Đặng Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2012




Nguyễn Trọng Hùng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP Hồ Chí Minh, tên viết bằng tiếng nước ngoài là HO CHI MINH CITY MEDICAL TECHNICAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là MTS được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước: Công ty Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 2080/QĐ-UB ngày 03 tháng 06 năm 2003 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0300534193 ngày 11 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 252-254 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam
Vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh:

- Mua bán dụng cụ y tế;
- Mua bán trang máy móc thiết bị y tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Đào tạo, huấn luyện trong chuyển giao công nghệ và xây dựng hệ thống quản lý;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sản xuất trang thiết bị vật tư y tế;
- Mua bán hoá chất xét nghiệm. Bán buôn sinh phẩm y tế;
- Huấn luyện kỹ thuật sửa chữa, bảo trì thiết bị máy móc và dụng cụ y tế;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế, sinh học, thực phẩm, hoá học, cơ điện tử và môi trường;
- Thu gom rác thải y tế;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải y tế (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa trang thiết bị vật tư y tế;
- Kinh tế y tế, quản trị bệnh viện: Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị bệnh viện về quy trình tổ chức hoạt động, quản trị rủi ro, quản trị hệ thống máy móc, thiết bị y tế, kinh tế y tế và quản trị tài chính, nhân sự. Cung cấp các dịch vụ về thông tin tư vấn, huấn luyện bồi dưỡng, phổ biến ứng dụng tri thức khoa học, công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực y tế.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Do đây là năm đầu tiên Công ty chuyển đổi từ Công ty Nhà nước sang mô hình Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0300534193 ngày 11 tháng 08 năm 2010, nên kỳ kế toán đầu tiên của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp các chi phí thực tế phát sinh chưa kết chuyển vào giá trị thành phẩm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 19 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.7 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		31/12/2010
		VND
Tiền mặt		70.943.075
Tiền gửi ngân hàng		10.179.749.755
		<u>10.250.692.830</u>
4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC		31/12/2010
		VND
Phải thu về cổ phần hóa		199.804.270
Phải thu của CBCNV		11.119.466
		<u>210.923.736</u>
5 . HÀNG TỒN KHO		31/12/2010
		VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		135.681.750
Hàng hóa		2.798.371.332
		<u>2.934.053.082</u>
6 . TÀI SẢN NGÁN HẠN KHÁC		31/12/2010
		VND
Tạm ứng		102.500.000
		<u>102.500.000</u>

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	597.479.086	39.284.100	1.015.758.855	157.918.431	1.810.440.472
- Chuyển số dư sang công ty Cổ phần	597.479.086	39.284.100	686.363.809	157.918.431	1.481.045.426
- Mua trong kỳ	-	-	329.395.046	-	329.395.046
Số giảm trong kỳ	-	-	(85.500.000)	-	(85.500.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(85.500.000)	-	(85.500.000)
Số dư cuối kỳ	597.479.086	39.284.100	930.258.855	157.918.431	1.724.940.472
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	476.363.244	31.569.780	628.522.542	157.918.431	1.294.373.997
- Chuyển số dư sang công ty Cổ phần	462.782.392	30.712.640	602.040.934	157.131.483	1.252.667.449
- Khấu hao trong kỳ	13.580.852	857.140	26.481.608	786.948	41.706.548
Số giảm trong kỳ	-	-	(85.500.000)	-	(85.500.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(85.500.000)	-	(85.500.000)
Số cuối kỳ	476.363.244	31.569.780	543.022.542	157.918.431	1.208.873.997
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	121.115.842	7.714.320	387.236.313	-	516.066.475
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng:					422.620.962

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	-	75.114.646	-	75.114.646
- Chuyển số dư sang công ty cổ phần	-	75.114.646	-	75.114.646
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	75.114.646	-	75.114.646
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	-	60.091.680	-	60.091.680
- Chuyển số dư sang công ty cổ phần	-	55.084.040	-	55.084.040
- Khấu hao TSCĐ trong kỳ	-	5.007.640	-	5.007.640
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	60.091.680	-	60.091.680
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	15.022.966	-	15.022.966

9 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	116.104.000
	<u>116.104.000</u>

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	331.279.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp	280.002.172
Thuế thu nhập cá nhân	92.001.466
	<u>703.283.107</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010
	<u>VND</u>
Trích trước tiền hoa hồng bán hàng	982.750.700
	<u>982.750.700</u>

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010
	<u>VND</u>
Phải trả về cổ phần hóa	4.948.269.226
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.220.269.675
- Nhận ký quỹ bảo hành	302.099.675
- Nhận ký quỹ dự thầu	218.100.000
- Nhận ký quỹ thực hiện hợp đồng	1.700.070.000
Tiền cổ tức phải trả cổ đông	49.616.000
	<u>7.218.154.901</u>

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu
 Xem phụ lục I

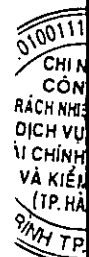
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2010</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư và KD vốn Nhà nước	1.808.510.000	31,84
Vốn góp của các cổ đông khác	3.871.330.000	68,16
	<u>5.679.840.000</u>	<u>100</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/09/2010
	đến 31/12/2010
	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-
- Vốn góp đầu năm	5.679.840.000
- Vốn góp tăng trong năm	-
- Vốn góp giảm trong năm	5.679.840.000
- Vốn góp cuối năm	-

d) Cổ phiếu	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	500.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	500.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu	
14 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/09/2010
	<u>đến 31/12/2010</u>
	VND
Doanh thu thuận bán hàng hóa	45.477.146.846
Doanh thu thuận bán thành phẩm và dịch vụ sửa chữa	3.309.128.451
	<u>48.786.275.297</u>
15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/09/2010
	<u>đến 31/12/2010</u>
	VND
Giá vốn của hàng hóa bán	41.516.878.475
Giá vốn của thành phẩm và dịch vụ sửa chữa	2.879.861.873
	<u>44.396.740.348</u>
16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/09/2010
	<u>đến 31/12/2010</u>
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.119.975
Lãi tiền bán công trái	4.990.000
	<u>68.109.975</u>
17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ 01/09/2010
	<u>đến 31/12/2010</u>
	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	370.150.131
	<u>370.150.131</u>



18 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/09/2010 đến 31/12/2010 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	28.000.000
	<u>28.000.000</u>

19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

19.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/09/2010 đến 31/12/2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.472.152.991
Các khoản điều chỉnh tăng	82.010.485
- Chi phí không hợp lệ	82.010.485
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.554.163.476
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)	<u>388.540.869</u>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ chuyển từ công ty Nhà nước sang	191.461.303
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(300.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>280.002.172</u>

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/09/2010 đến 31/12/2010 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.083.612.122
Các khoản điều chỉnh:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.083.612.122
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.167</u>

21 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty Cổ phần Trang Thiết Bị Kỹ Thuật Y Tế TP. Hồ Chí Minh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300534193 ngày 11 tháng 08 năm 2010. Do đó kỳ kế toán đầu tiên của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/09/2011 đến ngày 31/12/2011 nên không có số liệu so sánh.

(Handwritten signature)



Đặng Thị Minh Châu
 Kế toán trưởng
 Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Trọng Hùng
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP. Hồ Chí Minh
Số 252 - 254 Công Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, Tp. HCM

Phụ lục 1 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ từ chuyển từ công ty cũ sang	5.000.000.000	-	3.124.089.399	1.323.283.064	541.004.683	9.988.377.146
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.083.612.122	1.083.612.122
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Đánh giá CLTG cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	135.451.515	27.090.303	(162.541.818)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(108.361.212)	(108.361.212)
Chia cổ tức để tăng vốn điều lệ (*)	679.840.000	-	-	-	(679.840.000)	-
Số dư cuối kỳ	5.679.840.000	-	3.259.540.914	1.350.373.367	673.873.775	10.963.628.056

(*) Lợi nhuận phân phối theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011